

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 8-5-2020

V/v: *Ly hôn, trả chấp
về nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Kim
2. Ông Doãn Đức Hà

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 8- 5- 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Khương Huy M - Sinh năm 1977

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: xã Đông L, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Phạm Thị N - Sinh năm 1981

Địa chỉ: thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, A M có mặt; chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Khương Huy M trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị N tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới vào ngày 10/01/2003 nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh và chị N chung sống hạnh phúc tại Khu phố Thống Nhất, thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do

quan điểm, lối sống trái ngược nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng, cãi vã. Cuộc sống chung ngày càng trở nên căng thẳng nên giữa năm 2019, vợ chồng ly thân cho đến nay, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình, không còn quan tâm đến nhau. Nay, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân nên A đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Khương Huy Hoàng A- sinh ngày 30/8/2003 và Khương Hà A - sinh ngày 20/4/2008. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng A, chị N nuôi dưỡng cháu Hà A. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai chị Phạm Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị thống nhất với lời khai của anh M về thời gian chung sống và tổ chức đám cưới vào ngày 10/01/2003. Anh chị không đăng ký kết hôn. Chị và anh M chung sống với nhau hạnh phúc từ năm 2003 đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm, lối sống trái ngược nhau, vợ chồng ly thân từ giữa năm 2019 đến nay. Anh M có đơn ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung như anh M trình bày. Chị đề nghị được nuôi cháu Hà A, giao cháu Hoàng A cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Khương Huy M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, chính quyền địa phương phản ánh: anh M và chị N có tổ chức đám cưới năm 2003, chung sống với nhau đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi vã, xích mích; đến khoảng năm 2019 vợ chồng anh chị ly thân, anh M bỏ về xã Đông Linh, thành phố Thanh Hóa sinh sống; Anh chị có 02 con chung (cháu lớn sinh năm 2003, cháu nhỏ sinh năm 2008).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: các Điều 11,17,92,94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị N.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh chị, giao cháu Hoàng A cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hà A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh M chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

1.1 Thẩm quyền: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Đối với bị đơn- chị Phạm Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị.

[2] *Về hôn nhân:* Anh M và chị N có tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 10/01/2003 nhưng không đăng ký kết hôn, điều này được anh M, chị N thừa nhận và được Ủy ban nhân dân xã Đông Tiến (huyện Đông Sơn), Ủy ban nhân dân xã Đông L (thành phố Thanh Hóa) xác nhận. Anh chị cũng thừa nhận quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm, lối sống trái ngược nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng, cãi vã. Anh chị đã ly thân từ năm 2019. Nay, anh chị đều thống nhất ly hôn. Xét thấy anh M và chị N chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 10/01/2003 nhưng không đăng ký kết hôn, anh chị đều có yêu cầu ly hôn nên theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa anh Khương Huy M và chị Phạm Thị N.

[3] *Về con chung:* Anh M và chị N có 02 con chung là Khương Huy Hoàng A- sinh ngày 30/8/2003 và Khương Hà A- sinh ngày 20/4/2008. Anh chị thống nhất đề nghị Tòa án giao cháu Hoàng A cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hà A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong trường hợp này cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 17, Điều 92, Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết về vấn đề con chung (theo điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình) công nhận sự thỏa thuận của anh chị về con chung, về cấp dưỡng.

[4] *Về tài sản, công nợ:* Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, anh M chịu án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các điều 11, 17, 92, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Khương Huy M và chị Phạm Thị N.

Về con chung: Anh M và chị N có 02 con chung là Khương Huy Hoàng A- sinh ngày 30/8/2003 và Khương Hà A- sinh ngày 20/4/2008. Công nhận sự thỏa thuận của anh chị: giao cháu Hoàng A cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hà A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh M, chị N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Khương Huy M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0006624 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn (anh M đã nộp đủ án phí).

Anh M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc từ ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Đông Sơn;
- UBND xã thị trấn Rừng Thông, H.Đông Sơn;
- UBND xã Đông L, TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Hồ Thị Minh Hạnh